

<p>chúng tỏ mỗi loài thực vật có nhu cầu ánh sáng khác nhau và ứng dụng kiến thức đó trong trồng trọt.</p> <p><i>* Cách tiến hành:</i></p> <p>B- ớc 1 : Gv đặt vấn đề về nhu cầu khác nhau của thực vật đối với ánh sáng</p> <p>B- ớc 2 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát phiếu nội dung thảo luận : - Tại sao 1 số loài cây chỉ sống đ- ợc ở những nơi có nhiều ánh sáng . Nh- ng cũng có những loài cây khác lại chỉ sống đ- ợc ởv nơi có rất ít ánh sáng nh- hang động - Kể một số cây cần nhiều ánh sáng và một số cây cần ít ánh sáng.(cây hoa h- ớng d- ơng, hoa hồng, hoa mai, các loài cây lá to ; Cây cần ít ánh sáng: Một số loài rêu, cây cảnh.....) - Nêu một số ứng dụng về nhu cầu ánh sáng của cây trong trồng trọt.(Mùa hè có nhiều ánh sáng trồng các loài cây của miền nhiệt đới nh- lúa n- ớc, ngô rau muống...còn mùa đông trời âm u ng- ời ta trồng các loài cây vùng hàn đới...hoặc trồng xen canh giữa những cây cần nhiều ánh sáng và cây ít ánh sáng trên cùng một thửa ruộng) <p>Kết luận: tìm hiểu nhu cầu về ánh sáng của mỗi loài cây, chúng ta có thể thực hiện những biện pháp kĩ thuật trồng trọt để cây đ- ợc chiếu sáng thích hợp sẽ cho thu hoạch cao.</p> <p>C. Củng cố dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nêu vai trò của ánh sáng đối với đời sống của thực vật? - GV nhận xét tiết học và dặn dò. 	<p>- hs thảo luận theo câu hỏi</p> <p>Các nhóm trình bày kết quả và thảo luận chung, đ- a ra kết luận nh- SGK</p> <p>- 2-3 HS đọc ghi nhớ SGK</p>
--	---

Tiết 48 : **ÁNH SÁNG CẦN CHO SỰ SỐNG**
(tiếp theo)

I-MỤC TIÊU

-Sau bài học, HS có thể :

- Nêu đ- ọc vd chứng tỏ vai trò của ánh sáng đối với đời sống của con ng- ời, động vật

II- ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Hình trang 96,97 SGK
- Một khăn sạch có thể bịt mắt.
- Các tấm phiếu bằng bìa kích th- ớc bằng một nửa tờ A4
- Phiếu học tập.

III- HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ
<p><u>A.Kiểm tra bài cũ</u> + Nêu vai trò của ánh sáng đối với thực vật. - GV đánh giá, cho điểm.</p> <p><u>B.Bài mới</u> <i>1. Giới thiệu bài</i> Khởi động - Tr- ớc khi vào tiết học, Gv cho hs ra sân chơi trò <i>Bịt mắt bắt dê</i> - Kết thúc trò chơi, GV cho hs vào lớp và hỏi: + Những bạn bị bịt mắt cảm thấy thế nào? + Các bạn bị bịt mắt có dễ dàng bắt đ- ọc dê không? Tại sao? - GV giới thiệu bài học mới.</p> <p><i>2. Hoạt động</i> <u>a) Hoạt động 1 : Tìm hiểu về vai trò của ánh sáng đối với đời sống con ng- ời</u> * <u>Mục tiêu</u> : Nêu VD về vai trò của ánh sáng đối với sự sống của con ng- ời. * <u>Cách tiến hành</u> : - GV yêu cầu cả lớp mỗi HS tìm một VD về vai trò của ánh sáng đối với đời sống của con ng- ời - Hs viết ý kiến của mình vào một tấm bìa rồi dán lên bảng Sau khi thu thập các ý kiến cả lớp, Giáo viên và một vài học sinh đại diện đọc, sắp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS trả lời. - HS nhận xét. <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời các câu hỏi của Gv dựa vào thực tế trò chơi vừa chơi <ul style="list-style-type: none"> - Hs viết ý kiến của mình vào một tấm bìa rồi dán lên bảng - vài học sinh đọc lại

xếp phân loại các ý kiến của học sinh
Kết luận: Nh- mục *Bạn cần biết* SGK trang 96

b) **Hoạt động 2** : **Tìm hiểu về vai trò của ánh sáng đối với đời sống của động vật**

* *Mục tiêu* :

- Kể ra vai trò của ánh sáng đối với đời sống của động vật.

- Nêu VD chứng tỏ mỗi loài động vật có nhu cầu về ánh sáng khác nhau và ứng dụng của kiến thức đó trong chăn nuôi

* *Cách tiến hành* :

B- ớc 1 : Tổ chức h- ớng dẫn

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm và phát phiếu ghi các câu hỏi thảo luận cho các nhóm

B- ớc 2: Hs thảo luận các câu hỏi trong phiếu

Câu hỏi thảo luận:

1. Kể tên một số ĐV mà bạn biết? Chúng cần ánh sáng để làm gì?
2. Kể tên một số ĐV kiếm ăn vào ban đêm, một số ĐV kiếm ăn vào ban ngày
3. Bạn có nhận xét gì về nhu cầu ánh sáng của các ĐV đó?
4. Trong chăn nuôi, ng- ời ta đã làm gì để kích thích cho gà ăn nhiều, chóng tăng cân và đẻ nhiều?

B- ớc 3: Làm việc cả lớp

Kết luận: Nh- mục *Bạn cần biết* SGK trang 97

C Củng cố dẫn dò

+ Nêu vai trò của ánh sáng đối với đời sống của con ng- ời và động vật.

- Gv nhận xét tiết học

- học sinh thảo luận
- Th- kí ghi lại các ý kiến của nhóm
- Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình
- Mỗi nhóm trình bày 1 câu. Các nhóm khác bổ sung

- Cho 2 hs đọc lại

TUẦN 25

KHOA HỌC

Tiết 49 : , **NH SÁNG VÀ VIỆC BẢO VỆ ĐÔI MẮT**

I-MỤC TIÊU

Sau bài học học sinh biết :

- Vận dụng kiến thức về sự tạo thành bóng tối, về vật cho ánh sáng truyền qua một phần, vật cản sáng... để bảo vệ mắt
- Nhận biết và biết phòng tránh những trường hợp ánh sáng quá mạnh có hại cho mắt
- Biết tránh không đọc, viết ở nơi ánh sáng quá yếu

II- ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Chuẩn bị: Tranh ảnh về một số trường hợp ánh sáng quá mạnh về cách đọc viết không hợp lý vì thiếu ánh sáng

III- HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ
<p><u>A.Kiểm tra bài cũ</u> Cuộc sống của con ng- ời, động vật sẽ ra sao nếu không có ánh sáng</p> <ul style="list-style-type: none">- GV đánh giá, cho điểm.	<ul style="list-style-type: none">- 2 HS trả lời.- HS nhận xét.
<p><u>B.Bài mới</u></p> <p><i>1. Giới thiệu bài</i> - GV giới thiệu và ghi đầu bài</p> <p><i>2. HĐ1: Tìm hiểu những tr- ờng hợp ánh sáng quá mạnh, không đ- ọc nhìn trực tiếp vào ánh sáng</i> * Mục tiêu: Nhận biết và biết phòng tránh những trường hợp ánh sáng quá mạnh làm hại mắt * Cách tiến hành: B1: GV cho HS tìm hiểu về tr- ờng hợp về ánh sáng quá mạnh có hại cho mắt (hình 98, 99) - Gọi các nhóm báo cáo và thảo luận chung B2: Cho học sinh tìm hiểu về những việc nên làm và không nên làm để tránh tác hại do ánh sáng gây ra</p> <p><i>3. HĐ2: Tìm hiểu một số việc nên và không nên làm để đảm bảo đủ ánh sáng khi đọc viết</i> * Mục tiêu : vận dụng kiến thức về sự tạo thành bóng tối... để bảo vệ cho mắt. Biết tránh đọc viết ở nơi ánh sáng quá mạnh hay</p>	<ul style="list-style-type: none">- Những tr]ờng hợp ánh sáng quá mạnh có hại cho mắt ta không nên nhìn trực tiếp- Không nên nhìn vào mặt trời, lửa hàn, đi giữa trời nắng to- Nên đội mũ rộng vành khi đi nắng hoặc đeo kính râm...

<p>quá yếu * Cách tiến hành B1: Cho học sinh làm việc theo nhóm quan sát tranh và trả lời câu hỏi trang 99 B2: Thảo luận chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại sao khi viết tay phải không nên đặt đèn chiếu sáng ở phía sau tay phải - Giáo viên nhận xét và bổ xung <p>C. Củng cố dặn dò : + Cần làm gì để bảo vệ đôi mắt cho những tr- ờng hợp ánh sáng quá mạnh hoặc quá yếu ? - GV nhận xét tiết học và dặn dò.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hình 6, 7 cần tránh vì có hại cho mắt - Học sinh thảo luận để đi đến kết luận - Ta để đèn nh- vậy để việc đọc viết không bị che khuất ánh sáng - 2-3 HS trả lời
--	--

KHOA HỌC

Tiết 50 : NÓNG, LẠNH VÀ NHIỆT ĐỘ

I-MỤC TIÊU

Sau bài học học sinh biết :

- Nêu đ- ợc ví dụ về các vật có nhiệt độ cao thấp
- Nêu đ- ợc nhiệt độ bình th- ờng của cơ thể ng- ời, nhiệt độ của hơi n- ớc đang sôi, nhiệt độ của n- ớc đá đang tan
- Biết sử dụng từ “ Nhiệt độ ” trong diễn tả sự nóng lạnh.
- Biết cách đọc nhiệt kế và sử dụng nhiệt kế

II- ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Chuẩn bị chung : Một số loại nhiệt kế, phích n-ớc sôi, một ít n-ớc đá
- Chuẩn bị theo nhóm : nhiệt kế, 3 chiếc cốc

III- HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ
<p><u>A.Kiểm tra bài cũ</u> Nêu những việc nên và không nên làm để bảo vệ đôi mắt - GV đánh giá, cho điểm.</p> <p><u>B.Bài mới</u> 1. Giới thiệu bài - GV giới thiệu và ghi đầu bài</p> <p>2. HĐ1: Tìm hiểu về sự truyền nhiệt * Mục tiêu: nêu đ-ợc ví dụ về các vật có nhiệt độ cao thấp. Biết sử dụng từ nhiệt độ trong diễn tả sự nóng lạnh * Cách tiến hành B1: Cho học sinh kể tên một số vật nóng lạnh th-ờng gặp B2: H/S quan sát hình 1 và trả lời : cốc n-ớc nào có nhiệt độ cao nhất ? Thấp nhất ? B3: Cho học sinh tìm thêm ví dụ về các vật có nhiệt độ bằng nhau, cao hơn....</p> <p>3. HĐ2: Thực hành sử dụng nhiệt kế * Mục tiêu : biết sử dụng nhiệt kế để đo nhiệt độ * Cách tiến hành B1: Giới thiệu về hai loại nhiệt kế B2: Thực hành đo nhiệt độ - Giáo viên cho học sinh tiến hành làm thí nghiệm đo nhiệt độ của các cốc n-ớc; Sử dụng nhiệt kế y tế để đo nhiệt độ cơ thể - Gọi học sinh báo cáo kết quả - Giáo viên nhận xét và kết luận - Gọi học sinh đọc mục bạn cần biết</p> <p>C. Củng cố dặn dò : + Nhiệt độ của n-ớc đang sôi và n-ớc đá đang tan là bao nhiêu? - GV nhận xét tiết học và dặn dò.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS trả lời. - HS nhận xét. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh kể : n-ớc sôi, bàn là,.....; N-ớc đá, tuyết..... - Cốc n-ớc nóng có nhiệt độ cao nhất; Cốc n-ớc đá có nhiệt độ thấp nhất - Học sinh nêu - Nhận xét và bổ xung <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh quan sát và theo dõi - Thực hành làm thí nghiệm theo nhóm : Đo nhiệt độ cơ thể ng-ời; Đo nhiệt độ của cốc n-ớc sôi, cốc n-ớc đá - Đại diện nhóm báo cáo - Vài em đọc <ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS trả lời

--	--

TUẦN 26

KHOA HỌC

Tiết 51 : NÓNG, LẠNH VÀ NHIỆT ĐỘ (tiếp theo)

I-MỤC TIÊU

Sau bài học học sinh biết :

- Học sinh nêu đ-ợc ví dụ về các vật nóng lên hoặc lạnh đi về sự truyền nhiệt
- Học sinh giải thích đ-ợc một số hiện t-ợng đơn giản liên quan đến sự co giãn vì nóng lạnh của chất lỏng

II- ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Chuẩn bị chung : phích n-ớc sôi,
- Chuẩn bị nhóm : hai chiếc chậu, một cái cốc, lọ có cắm ống thủy tinh (Hình 2a — 103 sgk)

III- HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ
<u>A.Kiểm tra bài cũ</u>	

- hãy cho biết nhiệt độ của n-ớc đang sôi, n-ớc đá đang tan, cơ thể ng-ời khoẻ mạnh
- GV đánh giá, cho điểm.

B. Bài mới

1. Giới thiệu bài

- GV giới thiệu và ghi đầu bài

2. HĐ1: Tìm hiểu về sự truyền nhiệt

* Mục tiêu : H/ sinh biết và nêu đ-ợc ví dụ về vật có nhiệt độ cao truyền cho vật có nhiệt độ thấp, vật thu nhiệt sẽ nóng lên, vật toả nhiệt sẽ lạnh đi.

* Cách tiến hành

B1: Cho học sinh làm thí nghiệm trang 102

B2: Các nhóm trình bày kết quả thí nghiệm

- Gọi học sinh lấy thêm ví dụ

B3: Giúp học sinh rút ra nhận xét : các vật ở gần vật nóng hơn thì thu nhiệt sẽ nóng lên. Các vật ở gần vật lạnh hơn thì toả nhiệt sẽ lạnh đi

3. HĐ2: Tìm hiểu sự co giãn của n-ớc khi lạnh đi và nóng lên

* Mục tiêu: Biết đ-ợc các chất lỏng nở ra khi nóng lên, co lại khi lạnh đi. Giải thích đ-ợc nguyên tắc hoạt động của nhiệt kế

* Cách tiến hành

B1: Cho học sinh làm thí nghiệm trang 103

B2: Học sinh quan sát nhiệt kế và trả lời : vì sao mức chất lỏng trong ống nhiệt kế lại thay đổi khi dùng nhiệt kế đo nhiệt độ khác nhau.

B3: Hỏi học sinh giải thích : tại sao khi đun n-ớc không nên đổ đầy n-ớc vào ấm

- Giáo viên nhận xét và bổ sung

C. Củng cố dặn dò :

- Tại sao chất lỏng lại nở ra khi nóng lên, co lại khi lạnh đi ?
- GV nhận xét tiết học và dặn dò.

- 2 HS trả lời.
- HS nhận xét.

- Học sinh tiến hành làm thí nghiệm theo nhóm

- Học sinh báo cáo : cốc n-ớc nóng sẽ lạnh đi, chậu n-ớc ấm lên

- Học sinh lấy ví dụ : đun n-ớc,

- Học sinh lắng nghe

- Các nhóm làm thí nghiệm

- Nhiệt kế đo vật nóng chất lỏng trong ống sẽ nở ra và lên cao; Đo vật lạnh chất lỏng co lại và tụt xuống

- Không đổ đầy vì khi sôi n-ớc nở ra và sẽ tràn ra ngoài.

- 2-3 HS trả lời

--	--

KHOA HỌC

Tiết 52 : VẬT DẪN NHIỆT VÀ VẬT CÁCH NHIỆT

I-MỤC TIÊU

Sau bài học học sinh biết :

- Biết đ- ọc có những vật dẫn nhiệt tốt (kim loại...)và những vật dẫn nhiệt kém (gỗ, nhựa...)
- Giải thích đ- ọc một số hiện t- ượng đơn giản liên quan đến tính dẫn nhiệt của vật liệu
- Biết cách lí giải việc sử dụng các chất dẫn nhiệt, cách nhiệt và sử dụng hợp lí trong những tr- ờng hợp đơn giản, gần gũi

II- ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Chuẩn bị chung : phích n- ớc nóng, xoong nồi., giỏ ấm, nhiệt kế,....;
- Nhóm : hai chiếc cốc, thìa kim loại, thìa gỗ, thìa nhựa....

III- HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ
<p><u>A.Kiểm tra bài cũ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - tại sao khi đun n- ớc không nên đổ đầy n- ớc vào ấm - GV đánh giá, cho điểm. <p><u>B.Bài mới</u></p> <p><i>1. Giới thiệu bài</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu và ghi đầu bài <p><i>2. HĐ1: Tìm hiểu vật nào dẫn nhiệt tốt,</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS trả lời. - HS nhận xét.

vật nào dẫn nhiệt kém

* Mục tiêu : học sinh biết đ-ợc có những vật dẫn nhiệt tốt và những vật dẫn nhiệt kém. Lấy đ-ợc ví dụ và giải thích đ-ợc một số hiện t-ợng đơn giản liên quan đến tính dẫn nhiệt của vật liệu.

* Cách tiến hành

B1: Cho học sinh làm thí nghiệm và trả lời câu hỏi trang 104

- Xoong và quai xoong làm bằng chất dẫn nhiệt tốt hay kém ? Vì sao ?

B2: Học sinh làm việc nhóm và thảo luận

- Tại sao trời rét chạm tay ghế sắt thấy lạnh.

- Khi chạm tay vào ghế gỗ không có cảm giác bằng ghế sắt

3. HĐ2: Làm thí nghiệm về tính cách nhiệt của không khí

* Mục tiêu : nêu đ-ợc ví dụ về việc vận dụng tính chất của không khí

* Cách tiến hành

B1: HS đọc đối thoại SGK và làm thí nghiệm 3

B2: Các nhóm tiến hành thí nghiệm nh-SGK trang 15

B3: Trình bày kết quả thí nghiệm và rút ra kết luận

4. HĐ3: Kể tên và nêu công dụng của các vật cách nhiệt

* Mục tiêu : giải thích đ-ợc việc sử dụng các chất dẫn nhiệt, cách nhiệt để sử dụng hợp lí

* Cách tiến hành : chia thành 4 nhóm, thi kể tên và nói công dụng của các vật cách nhiệt

- Chia lớp thành 4 nhóm và cho các nhóm thi kể

C. củng cố dặn dò :

- Lấy ví dụ về những vật dẫn nhiệt tốt và dẫn nhiệt kém?

- GV nhận xét tiết học và dặn dò.

- Học sinh làm thí nghiệm và trả lời
- Xoong làm bằng chất dẫn nhiệt tốt. Còn quai làm bằng chất dẫn nhiệt kém để ta bắc không bị bỏng

- Các nhóm thảo luận

- Chạm tay vào ghế sắt tay ta đã truyền nhiệt cho ghế

- Với ghế gỗ hoặc nhựa vì dẫn nhiệt kém nên tay ta không bị mất nhiệt nhanh

- Học sinh làm thí nghiệm

- Học sinh trình bày kết quả thí nghiệm

- Học sinh thi kể và nêu công dụng của các vật cách nhiệt

- 2-3 HS trả lời